

Year: **2012-2013**

Course: **406714 - Information Security Technologies**

Term: **1**

Class: **12CIT - Cycle 4**

Date: 26 Jan 2013

#	Stu. ID	Name	Room	
Room: 11G				
1	1140199	NGUYEN NHAT	KHAI	11G
2	1140281	VO VIET	BINH	11G
3	1140288	LE VIET	THANH	11G
4	1140361	PHAM NGUYEN HOANG	PHI	11G
5	1140544	LE HONG	PHUC	11G
6	1140562	PHAM THANH	BINH	11G
7	1140571	TRAN BINH	DUONG	11G
8	1145976	DAO MANH THUONG	QUANG	11G
9	1284630	NGUYEN VIET	TIEN	11G
10	1140548	HO DUY	TIN	11G
11	1283016	NGUYEN HUU LE	DUNG	11G
12	1283021	NGO HAI	CHAU	11G
13	1283026	NGUYEN KHANH	BANG	11G
14	1283027	DANG VIET	ANH	11G
15	1283028	HA HUU	HAI	11G
16	1283030	NGUYEN MINH	HOANG	11G
17	1283031	TRAN DANG	KHOA	11G
18	1283032	QUAN VU MINH	KHOI	11G
19	1283035	TRAN TRUNG	KIEN	11G
20	1283037	NGUYEN PHUONG	LINH	11G
21	1283059	NGUYEN THE	LOC	11G
22	1283061	NGUYEN VU	LOC	11G
23	1283064	DOAN THIEN HOA	NGHIEM	11G
24	1283067	CHAU TRAN	NHAN	11G
25	1283223	NGUYEN DUC HOANG	NHAT	11G
26	1283225	TRUONG NGOC	NHUNG	11G
27	1283226	NGUYEN HUYNH TAN	PHAT	11G
28	1283229	LY CHAN	PHONG	11G
29	1283233	DANG HONG NGUYEN	PHUONG	11G
30	1283234	TRAN MINH	QUY	11G



FINAL EXAMINATION



Year: **2012-2013**

Course: **406714 - Information Security Technologies**

Term: **1**

Class: **12CIT - Cycle 4**

Date: 26 Jan 2013

#	Stu. ID	Name		Room
Room: 11E				
1	1284631	TRAN THIEN	AN	11E
2	1284634	PHAM DUC	BINH	11E
3	1284679	TRAN NGOC	CAN	11E
4	1284685	TRAN MINH	DUC	11E
5	1284682	PHAM CONG	DUC	11E
6	1284688	NGUYEN NGOC	DUY	11E
7	1284694	VU QUANG	HUNG	11E
8	1284696	NGUYEN THAI	HUY	11E
9	1284739	HOANG NGOC ANH	KHOA	11E
10	1284737	TRAN TUAN	KHOA	Withdraw from program
11	1284741	NGUYEN HUU	KHOI	11E
12	1284743	TRUONG ANH	KIET	11E
13	1284749	DO NGUYEN THANH	LAN	11E
14	1284751	NGUYEN HOANG KINH	LUAN	11E
15	1284753	PHAM MINH	MAN	11E
16	1284767	TRAN NGOC	MINH	11E
17	1284774	TRAN DINH MINH	NHUT	11E
18	1284775	PHAM THE ANH	PHU	11E
19	1284777	NGO QUOC	THAI	11E
20	1284781	TRINH PHAN ANH	TUAN	11E
21	1284883	TRAN TRUNG	TUYEN	11E
22	1284890	VONG HOANG	VINH	11E
23	1284903	LUU	VU	11E
24	1284904	LE NGUYEN HOAN	VU	11E



FINAL EXAMINATION



Year: **2012-2013**

Course: **406714 - Information Security Technologies**

Term: **1**

Class: **12CIT - Cycle 4**

Date: 26 Jan 2013

#	Stu. ID	Name		Room
Room: 11F				
1	1283235	LE QUOC	SI	11F
2	1283238	NGUYEN THAI	SON	11F
3	1283636	VO TRAN NGOC	TAN	11F
4	1283641	BUI THIEN	THACH	11F
5	1283645	NGUYEN VAN	THAI	11F
6	1283647	TRAN LAM	THAI	11F
7	1283678	NGUYEN HOANG	THANG	11F
8	1283681	DUONG HONG	THINH	11F
9	1283695	NGUYEN HOANG LOC	THO	11F
10	1283700	NGUYEN MINH	TOAN	11F
11	1284222	DO TIEN BACH	DANG	11F
12	1284618	THAI NGUYEN DANG	KHOA	11F
13	1284620	PHAN HONG	PHAT	11F
14	1284624	LE HUU	PHUOC	11F
15	1284626	MAI KIM	THANH	11F
16	1284628	NGUYEN NHAT	TRUONG	11F
17	1284928	NGUYEN HUYNH NHAT	QUAN	11F
18	1285534	NGUYEN THANH	LUAN	11F